

Thứ sáu, ngày 8 tháng 11 năm 2019

Vietnam Daily Review

Thị trường điều chỉnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 11/11/2019			•
Tuần 11/11-15/11/2019			•
Tháng 11/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sự tích cực của VN-Index nhanh chóng bị xóa nhòa khi áp lực bán gia tăng nhanh trên các mã bluechips như VHM, BID, VIC, VRE, HPG. Đến phiên chiều, đà giảm của chỉ số bị chi phối chủ yếu bởi sự phân hóa của nhóm Ngân hàng với các mã TCB, VCB, HDB, VPB, CTG nâng đỡ thị trường còn BID và MBB gây áp lực. Thị trường có phiên điều chỉnh đồng pha với các TTCK khác trong khu vực mặc dù Bộ Thương mại Trung Quốc cho biết Trung Quốc và Mỹ đồng ý gỡ thuế áp lên hàng hóa của đối phương theo từng giai đoạn.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2003, các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 935 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 08/11/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ.

Danh mục i-Invest: Theme_Hàng tiêu dùng_ 0.4%. 9/18 danh mục Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, **Hàng tiêu dùng** - có tiềm năng tăng trưởng hấp dẫn và tính phòng thủ cao - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.4%**, con số này của VNINDEX là -0.2%.

Phân tích kỹ thuật: PDR_Tích lũy (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **PNJ, KDH, ANV, TCB, BID**

Điểm nhấn

- VN-Index **-1.54 điểm**, đóng cửa 1,022.49. HNX-Index **+0.39 điểm**, đóng cửa 107.27.
- Kéo chỉ số tăng: **TCB (+0.31); VCB (+0.22); HDB (+0.15); VPB (+0.11); MSN (+0.10)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-0.97); VRE (-0.37); BID (-0.35); VIC (-0.29); GAS (-0.22)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,433 tỷ đồng, +1.0%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 6.28 điểm. Thị trường có 144 mã tăng, 81 mã tham chiếu và 155 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **6.5 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VHM (62.09 tỷ), VRE(29.94 tỷ) và SSI (9.99 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **0.2 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

1022.49

Giá trị: 3433.69 tỷ

-1.54 (-0.15%)

Khối ngoại (ròng): 6.5 tỷ

HNX-INDEX

107.27

Giá trị: 315.08 tỷ

0.39 (0.36%)

Khối ngoại (ròng): -0.2 tỷ

UPCOM-INDEX

56.73

Giá trị: 251.58 tỷ

-0.1 (-0.18%)

Khối ngoại (ròng): -2.86 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	56.5	-1.15%
Giá vàng	1,467	-0.10%
Tỷ giá USD/VND	23,199	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,630	-0.72%
Tỷ giá JPY/VND	21,218	-0.05%
LS liên NH 1 tháng	2.6%	8.33%
LS TPCP 5 năm	2.5%	-2.23%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	62.1	VNM	-78.3
VRE	30.1	HDB	-24.8
SSI	10.0	VIC	-18.3
PVT	9.6	CII	-4.5
STB	6.8	VCB	-4.4

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Chuyện cuối tuần	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thông kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **9/18 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, **Hàng tiêu dùng** - có tiềm năng tăng trưởng hấp dẫn và tính phòng thủ cao - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.4%**, con số này của VNINDEX là -0.2%.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:
- **16/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tuần **khả quan**
- **7/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Hàng tiêu dùng_0.4%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Hàng tiêu dùng	0.4%	-1.0%	-1.1%	0.8%	5.7%	13.4%	63.0%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.4%	2.4%	4.3%	13.1%	10.3%	8.3%	46.4%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.3%	1.5%	3.6%	0.1%	-7.2%	-8.0%	51.1%
Ngân hàng	0.2%	2.8%	4.1%	15.7%	17.9%	17.9%	92.1%
Chiến tranh thương mại	0.0%	-0.6%	-2.3%	-7.2%	-6.0%	-2.1%	6.9%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.0%	0.8%	2.8%	7.7%	9.1%	13.3%	76.1%
Lãi suất giảm	0.0%	0.1%	-1.1%	0.5%	0.4%	3.4%	52.7%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.0%	1.8%	2.6%	9.4%	16.5%	18.5%	85.7%
Nước & Năng lượng	-0.1%	0.1%	1.0%	2.2%	-2.3%	14.4%	52.9%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.2%	-0.1%	-0.2%	2.7%	-1.7%	-0.2%	-1.6%
Xây dựng	-0.2%	-0.1%	-5.4%	-0.8%	-7.5%	-6.9%	25.7%
BĐS & Khu công nghiệp	-0.2%	1.3%	1.5%	3.2%	5.5%	10.7%	65.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.3%	0.1%	3.6%	4.1%	1.8%	13.2%	84.5%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.3%	0.9%	3.3%	6.5%	13.0%	21.0%	97.0%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.3%	1.0%	2.0%	-2.4%	-3.1%	18.6%	50.2%
FTSE Việt Nam	-0.3%	-0.2%	4.5%	5.8%	4.8%	17.9%	91.5%
Dầu khí	-0.4%	0.6%	2.6%	-1.0%	-6.2%	0.0%	21.0%
Vật liệu Xây dựng	-0.5%	0.1%	1.3%	3.7%	4.1%	8.6%	6.9%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 17	0.0%	0.3%	0.9%	1.7%	8.0%	36.1%	179.1%
Danh mục 6	0.0%	1.5%	1.3%	9.0%	13.0%	20.2%	121.8%
Danh mục 11	0.0%	-0.6%	0.5%	3.0%	9.0%	26.2%	104.8%
Danh mục 14	-0.4%	0.5%	2.9%	6.6%	11.9%	12.6%	56.0%
Danh mục 13	-0.4%	0.0%	0.6%	3.4%	8.5%	13.5%	47.1%

* Note **16/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tuần **khả quan**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 20	-0.1%	1.0%	2.4%	4.2%	13.3%	20.7%	58.7%
Danh mục 23	-0.1%	0.2%	0.6%	-0.4%	6.8%	39.5%	146.1%
Danh mục 25	-0.1%	0.2%	0.9%	2.3%	16.6%	45.3%	168.9%
Danh mục 21	-0.2%	0.3%	2.5%	8.2%	12.8%	21.3%	73.3%
Danh mục 22	-0.3%	1.3%	2.5%	6.7%	15.3%	30.2%	77.1%

* Note **7/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần **khả quan**

INDEX							
VNINDEX	-0.2%	0.7%	3.6%	4.8%	4.8%	10.5%	49.9%
VN30INDEX	0.0%	1.2%	3.5%	7.1%	5.8%	4.4%	45.5%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#login>

BSC RESEARCH

11/8/2019

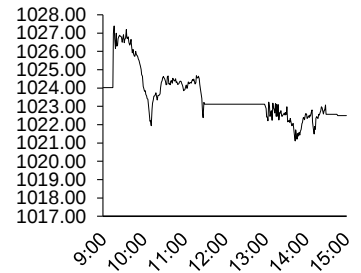
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

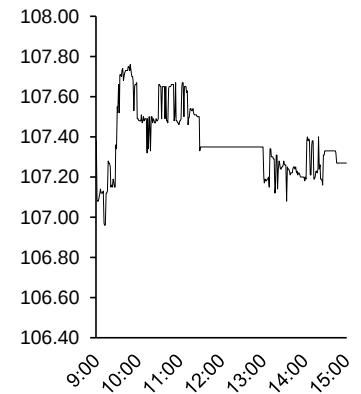
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	-0.6%
Ô tô và phụ tùng	-0.6%
Bảo hiểm	-0.5%
Bất động sản	-0.5%
Bán lẻ	-0.4%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.4%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.3%
Du lịch và Giải trí	-0.1%
Xây dựng và Vật liệu	-0.1%
Hóa chất	0.0%
Viễn thông	0.0%
Dầu khí	0.0%
Thực phẩm và đồ uống	0.0%
Tài nguyên Cơ bản	0.0%
Công nghệ Thông tin	0.2%
Ngân hàng	0.2%
Dịch vụ tài chính	0.5%
Y tế	0.5%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.6%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

PDR_Tích lũy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: tăng dần trên mốc 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở dưới EMA26.

Nhận định: PDR vẫn đang ở trong trạng thái tích lũy tại khu vực 26-26.5 suốt 3 tháng qua. Những phiên gần đây thanh khoản cổ phiếu có chiều hướng tăng trở lại. Đáng chú ý, hôm nay, chỉ báo MACD đã xuất hiện Golden Cross cho thấy cổ phiếu có thể tiếp tục tăng trong ngắn hạn. Bên cạnh đó, việc chỉ báo động lượng RSI chưa đi vào vùng quá mua cho thấy dư địa tăng vẫn còn nhiều. Tuy nhiên, đường EMA12 vẫn nằm dưới đường EMA26 nên PDR có thể chưa thoát khỏi vùng tích lũy trong một sớm một chiều. Trong trường hợp tích cực và có thể phá vỡ khu vực cân xung quanh 27, cổ phiếu có tiềm năng trở lại vùng giá lịch sử ở sát ngưỡng 30.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PNJ_Tăng giá

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

ANV_Hồi phục

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 08/11/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 08/11	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	57.09	1.22%	5.55%	8.66%	-5.74%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	62.32	0.84%	3.84%	7.39%	-11.47%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.64	0.61%	0.14%	3.32%	-0.66%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1469.85	-1.53%	-2.63%	-2.12%	20.42%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.12	-3.01%	-4.78%	-2.54%	19.77%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	916.07	0.30%	-0.01%	-0.42%	5.67%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	513.91	-0.68%	0.69%	2.40%	0.89%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.32	0.44%	1.04%	9.25%	40.82%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	159.00	1.21%	2.32%	6.35%	14.55%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.35	-1.67%	0.08%	0.24%	-2.73%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.41	5.25%	5.25%	10.36%	4.28%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	109.45	1.34%	6.33%	13.27%	-7.07%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.71	1.82%	2.78%	5.57%	-1.13%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3700.00	2.78%	6.20%	1.40%	-11.29%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1810.00	-0.06%	2.84%	3.67%	-9.05%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	81.50	0.00%	-1.81%	-12.37%	8.67%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	69.80	0.04%	0.26%	0.22%	-33.27%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, dầu thô Brent tăng 55 US cent hay 0.9% lên 62.29 USD/thùng, trong khi dầu thô Tây Texas WTI tăng 80 US cent hay 1.4% lên 57.15 USD/thùng.
- Giá dầu tăng trên 62 USD/thùng sau khi Trung Quốc ám chỉ đang tiến tới một thỏa thuận với Mỹ, nâng cao hy vọng chấm dứt tranh chấp kéo dài đã gây tổn hại tới tăng trưởng kinh tế và nhu cầu nhiên liệu.
- Tổng thư ký OPEC, Mohammad Barkindo cho biết ông lạc quan hơn về triển vọng năm 2020 vì sự tiến bộ trong thỏa thuận thương mại, giảm khả năng cần thiết phải cắt giảm sản lượng sâu hơn.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 1.7% xuống 1,465.78 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 12/2019 trên sàn New York giảm 1.8% xuống 1,466.4 USD. Vàng giảm khoảng 2% xuống mức thấp nhất trong hơn một tháng, do mất nhu cầu trú ẩn an toàn khi quan chức Mỹ khẳng định Washington và Trung Quốc đã đồng ý dỡ bỏ thuế quan như một phần giai đoạn đầu tiên của thỏa thuận thương mại. Bộ Thương mại Trung Quốc cho biết Trung Quốc và Mỹ đồng ý hủy thuế quan áp đặt trong cuộc chiến thương mại nhưng không nêu rõ mốc thời gian cụ thể.

Giá quặng sắt

- Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên giảm 2.2% xuống 611 CNY (87.14 USD)/tấn. Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 12 trên sàn giao dịch Singapore giảm 1.1% xuống 80.15 USD/tấn.
- Giá quặng sắt Đại Liên giảm theo xu hướng giá giao ngay suy yếu bởi lượng tồn kho đang tăng tại các cảng của Trung Quốc, mặc dù đã giảm bị hạn chế do nhu cầu phục hồi từ một số nhà máy thép. Quặng sắt giao ngay hàm lượng 62% xuất sang Trung Quốc ổn định tại 83.5 USD/tấn trong ngày 6/11, thấp nhất kể từ hôm 29/1. Tồn kho quặng sắt đã nhập khẩu tại các cảng của Trung Quốc ở mức cao nhất trong 6 tháng, ước tính tại 131.65 triệu tấn tính tới 1/11.

Giá nông sản

- Cà phê robusta kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn London tăng 26 USD hay 1.9% lên 1,378 USD/tấn. Cà phê arabica trên sàn New York kỳ hạn tháng 12/2019 tăng 1.1 US cent hay 1% lên 1.091 USD/lb. Cà phê được hưởng lợi từ đồng real của Brazil mạnh lên, không thúc đẩy các nhà sản xuất Brazil bán ra.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 giảm 0.17 US cent hay 1.4% xuống 12.39 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 12/2019 giảm 6.8 USD hay 1.4% xuống 332.1 USD/tấn. Đường được hỗ trợ bởi việc điều chỉnh giảm triển vọng sản lượng niên vụ 2019/20 tại Ấn Độ, nhưng được hãm bởi dự trữ vượt trội. Cơ quan lương thực của Liên hiệp quốc cho biết thị trường đường toàn cầu dự kiến thiếu hụt khoảng 2.4 triệu tấn trong niên vụ 2019/20.
- Giá gạo 5% tấm của Thái Lan được chào bán ở mức 390 – 408 USD/tấn so với 390 – 413 USD trong tuần trước. Tại Việt Nam, gạo 5% tấm không đổi so với tuần trước ở mức 345 – 350 USD/tấn trong bối cảnh giao dịch trầm lắng. Gạo đỏ 5% tấm của nhà xuất khẩu hàng đầu Ấn Độ được chào ở mức 365 - 370 USD/tấn trong tuần này, giảm từ 368 - 372 USD/tấn trong tuần trước.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 4/2020 trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM) tăng 0.5 JPY lên 178.9 JPY (1.64 USD)/kg. Cao su kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải giảm 35 CNY xuống 12,105 CNY (1,734 USD)/tấn.
- Giá cao su trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM) tăng phiên thứ 3 liên tiếp, gần mức cao nhất trong hơn 3 tháng đạt được trong phiên trước, được hỗ trợ bởi hy vọng một thỏa thuận thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc, đồng thời với những mối lo ngại về sự lây lan bệnh nCoV tại các quốc gia sản xuất. Bộ Thương mại Trung Quốc cho biết trong khi Bắc Kinh và Washington vẫn phải đồng ý hủy bỏ một số mức thuế hiện nay đối với hàng hóa của nhau để đạt được thỏa thuận thương mại "giai đoạn một", hai bên đã đồng ý hủy bỏ thuế quan bổ sung theo các giai đoạn khác nhau.

THỎ GIÀ VÀ THỎ TRẺ

Một ngày nọ, thỏ già nhìn thấy thỏ trẻ đang chạy hót ha hót hải bèn gọi lại hỏi chuyện: - Tại sao cháu lại chạy loạn lên thế? - Bác không biết là mùa săn bắn đã đến rồi sao? - Chàng trai ạ, ta có một cách để giải quyết việc đó. Cháu hãy biến mình thành một cây to, dù người thợ săn có đi qua cũng không thể bắn cháu được, vì họ cứ tưởng cháu là một cái cây. - Cách này thật tuyệt! Sao trước đây cháu không nghĩ ra nhỉ? Cảm ơn bác nhiều lắm.

Thỏ già lại nhẹ nhàng rảo bước trong rừng. Được một lúc nó nghe tiếng thỏ trẻ đuổi theo: - Bác ơi, nhưng làm thế nào để biến được thành một cái cây? Thỏ già đứng lại, nhún vai nói: - Chàng trai, ta đã đưa cho cháu một cách tốt, cháu phải cảm ơn ta chứ không nên làm phiền ta bằng những câu hỏi đó. Cháu nên tự mình suy nghĩ mới phải chứ.

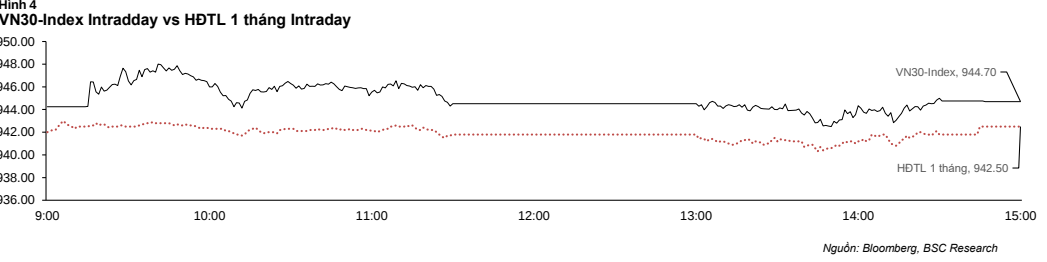
Qua câu chuyện kể trên, ta đều thấy:

Trong kinh doanh, thực tế cho thấy, một chiến lược được vạch ra rất tốt nhưng lại không được triển khai thực hiện cho tốt, thì chiến lược đó cũng không có giá trị gì cả.

Trong kinh doanh chứng khoán cũng vậy, một dịch vụ tư vấn đầu tư toàn diện phải bao gồm toàn bộ các công đoạn từ lập kế hoạch đầu tư, thực thi kế hoạch đến giám sát kế hoạch. Một chiến lược đầu tư có thể đúng cho rất nhiều người, nhưng với từng cá nhân cụ thể phải có kế hoạch thực thi và giám sát riêng phù hợp với đặc thù về điều kiện tài chính, khả năng chịu rủi ro và mục tiêu của cá nhân đó.



Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1911	942.50	0.07%	-2.20	14.6%	41631	11/21/2019	13
VN30F1912	941.50	0.20%	-3.20	346.9%	362	12/19/2019	41
VN30F2003	940.60	-0.03%	-4.10	1200.0%	78	3/19/2020	132
VN30F2006	943.40	0.26%	-1.30	444.4%	98	6/18/2020	223

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +0.45 điểm lên mức 944.70 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, HDB, VPB, MSN, và PNJ tác động mạnh đến vận động tăng điểm của VN30. Trong phiên sáng, VN30 điều chỉnh giảm sau khi tăng tích cực vào đầu phiên. Sang phiên chiều, VN30 biên độ giảm mở rộng, trước khi phục hồi vào cuối phiên lên trên mốc tham chiếu. Thanh khoản giảm, VN30 có thể tiếp tục tích lũy dưới 945 điểm trong những phiên tới trước khi tiếp cận 950 điểm.
- Ngoại trừ VN30F2003, các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2003, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong ngắn hạn và hồi phục trong dài hạn. Tuy vậy, nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 935 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CMSN1901	KIS	11/14/2019	6	5:1	106,330	80.7%	1.8 triệu	21.16%	1,920	50	25.00%	-	
CSTB1901	KIS	1/9/2020	62	1:1	128,730	-2.0%	1.5 triệu	19.77%	1,390	1,350	2.27%	377.10	3.58
CTCB1901	MBS	1/17/2020	70	2:1	158,440	244.1%	2.0 triệu	20.38%	1,680	1,730	1.76%	1,027.30	1.68
CMWG1904	SSI	12/30/2019	52	1:1	12,330	4.6%	1.0 triệu	20.41%	14,000	37,740	1.59%	35,207.00	1.07
CVNM1903	SSI	4/22/2020	166	1:1	46,850	-25.3%	1.0 triệu	18.69%	26,600	27,500	0.00%	13,772.50	2.00
CFPT1904	MBS	11/19/2019	11	3:1	306,130	165.9%	3.0 triệu	20.15%	1,700	2,500	0.00%	2,558.10	0.98
CMBB1905	HSC	4/8/2020	152	2:1	184,310	16.8%	5.0 triệu	16.94%	1,700	1,850	0.00%	741.80	2.49
CFPT1906	HSC	4/8/2020	152	5:1	184,810	31.9%	5.0 triệu	20.15%	1,700	1,990	-0.50%	1,042.10	1.91
CVJC1902	SSI	4/22/2020	166	1:1	22,260	12.8%	1.0 triệu	15.25%	27,900	29,170	-0.78%	16,838.90	1.73
CFPT1905	SSI	4/22/2020	166	1:1	33,930	118.5%	1.0 triệu	20.15%	9,900	10,350	-0.96%	6,783.50	1.53
CMBB1902	HSC	12/17/2019	39	1:1	87,270	-25.6%	1.0 triệu	16.94%	3,200	4,030	-1.95%	1,759.10	2.29
CMWG1907	HSC	4/8/2020	152	10:1	226,670	3.5%	5.0 triệu	20.41%	1,900	1,800	-2.17%	756.40	2.38
CHPG1905	SSI	12/30/2019	52	1:1	163,980	-22.7%	1.0 triệu	26.02%	3,300	1,200	-2.44%	777.00	1.54
CMWG1902	VND	12/11/2019	33	4:1	36,700	149.5%	2.4 triệu	20.41%	2,990	8,600	-2.82%	8,746.40	0.98
CVIC1902	SSI	4/22/2020	166	1:1	13,510	26.9%	1.0 triệu	17.83%	22,700	21,700	-2.86%	10,441.70	2.08
CMWG1903	HSC	12/30/2019	52	5:1	176,290	507.3%	2.0 triệu	20.41%	2,700	6,100	-4.09%	6,038.30	1.01
CMWG1905	VCSC	12/9/2019	31	5:1	33,960	800.8%	1.5 triệu	20.41%	5,600	6,100	-5.43%	6,195.70	0.98
CDPM1901	KIS	1/9/2020	62	1:1	175,660	N/a	1.5 triệu	26.05%	1,900	1,570	-5.99%	530.70	2.96
CFPT1907	VND	1/9/2020	62	2:1	48,390	44.1%	2.0 triệu	20.15%	4,200	4,100	-7.03%	3,579.40	1.15
CVRE1902	HSC	4/8/2020	152	4:1	120,010	-57.3%	5.0 triệu	25.20%	1,300	1,610	-8.00%	957.00	1.68
CVHM1902	SSI	4/22/2020	166	1:1	14,270	-28.0%	1.0 triệu	25.13%	18,600	22,460	-9.76%	16,598.40	1.35
CMWG1906	MBS	12/16/2019	38	5:1	410,210	185.3%	3.0 triệu	20.41%	2,850	2,000	-16.32%	1,162.10	1.72
CVIC1901	KIS	11/14/2019	6	5:1	79,870	-33.0%	2.0 triệu	17.83%	1,960	40	-20.00%	-	
Tổng:					5,065,070		113.2 triệu		20.87%**				
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 08/11/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ.
- Về giá, CVIC1901 và CMWG1906 giảm mạnh nhất lần lượt là -20.00% và -16.32%. Trái lại, CMSN1901 và CSTB1901 tăng mạnh nhất lần lượt là 25.00% và 2.27%. Thanh khoản thị trường giảm nhẹ -1.82%. CHPG1906 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 16.03% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, MWG, VHM, VJC và REE, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CMWG1904 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	25.10	1.21	0.94
HDB	29.65	1.72	0.47
VPB	22.15	0.68	0.35
MSN	76.80	0.39	0.19
PNJ	85.70	0.59	0.12

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VHM	98.5	-1.01	-0.52
VRE	34.7	-1.56	-0.36
MWG	124.6	-0.56	-0.28
MBB	23.4	-0.43	-0.19
VIC	120.5	-0.25	-0.19

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMSN1901	98,488	88,888	76,800
CSTB1901	12,278	10,888	10,850
CTCB1901	26,860	23,500	25,100
CMWG1904	165,000	90,000	124,600
CVNM1903	146,600	120,000	129,200
CFPT1904	57,100	52,000	59,600
CMBB1905	26,400	23,000	23,400
CFPT1906	65,500	57,000	59,600
CVJC1902	157,900	130,000	143,200
CFPT1905	64,900	55,000	59,600
CMBB1902	26,300	21,800	23,400
CMWG1907	144,000	125,000	124,600
CHPG1905	93,300	23,100	22,700
CMWG1902	48,130	90,000	124,600
CVIC1902	137,700	115,000	120,500
CMWG1903	25,800	95,000	124,600
CMWG1905	122,000	94,000	124,600
CDPM1901	15,888	13,988	13,750
CFPT1907	61,400	53,000	59,600
CVRE1902	37,700	32,500	34,650
CVHM1902	103,600	85,000	98,500
CMWG1906	135,150	120,900	124,600
CVIC1901	150,688	140,888	120,500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	124.6	-0.6%	0.7	2,398	4.3	8,321	15.0	4.9	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	85.7	0.6%	1.0	829	2.5	4,839	17.7	4.6	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	73.6	-0.7%	1.3	2,243	0.5	1,889	39.0	3.3	25.3%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	32.0	0.3%	0.7	322	0.1	2,801	11.4	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	120.5	-0.2%	1.0	17,530	2.6	1,589	75.8	5.2	15.1%	7.8%
VRE	Bất động sản	34.7	-1.6%	1.1	3,508	6.2	1,033	33.6	2.8	31.7%	8.8%
NVL	Bất động sản	58.3	0.3%	0.8	2,358	0.7	3,187	18.3	2.6	7.4%	15.5%
REE	Bất động sản	38.1	-1.0%	1.0	514	0.8	5,614	6.8	1.2	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	16.2	0.0%	1.4	372	1.2	3,215	5.0	1.0	46.1%	25.9%
SSI	Chứng khoán	22.1	0.0%	1.4	487	2.3	1,769	12.5	1.2	56.7%	9.4%
VCI	Chứng khoán	34.3	0.6%	1.0	245	0.2	5,067	6.8	1.5	38.2%	24.7%
HCM	Chứng khoán	25.6	1.0%	1.5	339	1.7	1,287	19.9	1.8	57.2%	10.2%
FPT	Công nghệ	59.6	0.2%	0.8	1,758	3.2	4,688	12.7	3.0	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	46.0	0.0%	0.4	497	0.0	4,156	11.1	2.8	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	105.7	-0.4%	1.5	8,796	1.0	5,886	18.0	4.4	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	59.0	0.2%	1.5	3,055	0.5	3,467	17.0	3.2	13.3%	19.5%
PVS	Dầu khí	19.0	-0.5%	1.7	395	1.5	2,062	9.2	0.7	22.3%	8.5%
BSR	Dầu khí	10.0	0.0%	0.8	1,348	0.6	1,163	8.6	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	94.0	1.1%	0.5	534	0.1	4,535	20.7	3.9	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	13.8	-0.4%	0.7	234	0.1	650	21.2	0.7	19.1%	3.7%
DCM	Hóa chất	7.2	-0.7%	0.6	166	0.1	625	11.5	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	91.5	0.2%	1.3	14,755	1.7	5,274	17.3	4.2	23.9%	27.1%
BID	Ngân hàng	41.3	-0.7%	1.5	7,222	1.3	2,109	19.6	2.5	3.4%	13.5%
CTG	Ngân hàng	22.3	0.2%	1.6	3,610	2.1	1,641	13.6	1.1	30.0%	8.5%
VPB	Ngân hàng	22.2	0.7%	1.2	2,318	2.1	3,341	6.6	1.3	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	23.4	-0.4%	1.1	2,366	7.3	3,261	7.2	1.4	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	24.8	0.8%	1.1	1,786	4.2	3,585	6.9	1.6	44.3%	25.9%
BMP	Nhựa	53.0	-0.7%	0.8	189	0.1	5,073	10.4	1.7	80.0%	16.5%
NTP	Nhựa	32.0	0.3%	0.3	137	0.0	4,603	7.0	1.2	20.7%	17.8%
MSR	Tài nguyên	17.2	3.6%	1.2	673	0.1	732	23.5	1.3	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.7	0.0%	1.0	2,725	5.2	2,526	9.0	1.4	37.6%	17.4%
HSG	Thép	7.4	-0.4%	1.6	136	0.9	890	8.3	0.6	16.6%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	129.2	0.1%	0.7	9,782	6.7	5,527	23.4	8.3	59.0%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	260.0	0.0%	0.8	7,249	0.5	7,365	35.3	9.3	63.4%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	76.8	0.4%	1.2	3,903	2.0	4,512	17.0	2.7	40.0%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	19.0	0.3%	0.5	483	1.0	440	43.1	1.5	6.2%	3.5%
ACV	Vận tải	78.0	0.1%	0.8	7,383	0.1	2,630	29.7	5.5	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	143.2	0.0%	1.1	3,261	2.4	9,850	14.5	5.5	19.9%	43.3%
HVN	Vận tải	36.1	-0.3%	1.7	2,226	0.4	1,747	20.7	2.8	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	25.4	-0.6%	0.8	327	0.3	1,949	13.0	1.2	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	17.1	-1.2%	0.6	209	0.8	2,571	6.7	1.2	30.9%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	88.5	-0.7%	0.9	616	1.1	8,338	10.6	4.5	2.1%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.8	0.3%	0.8	366	0.2	1,398	13.5	1.3	13.6%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.4	0.0%	0.8	272	0.2	1,912	8.6	1.1	6.2%	13.8%
CTD	Xây dựng	74.5	-0.7%	0.7	247	0.2	9,842	7.6	0.7	48.6%	9.3%
VCG	Xây dựng	27.3	0.7%	1.1	524	0.5	1,557	17.5	1.8	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	24.0	0.0%	0.5	259	0.4	1,845	13.0	1.1	51.7%	8.8%
POW	Điện	13.5	-0.7%	0.6	1,375	0.9	820	16.5	1.3	14.1%	7.8%
NT2	Điện	23.0	0.0%	0.6	288	0.1	2,721	8.5	1.6	19.4%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCB	25.10	1.21	0.31	4.11MLN
VCB	91.50	0.22	0.22	416510.00
HDB	29.65	1.72	0.14	4.10MLN
VPB	22.15	0.68	0.11	2.23MLN
MSN	76.80	0.39	0.10	586260.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	24.80	0.81	0.33	3.92MLN
VC3	17.70	14.68	0.14	376500.00
PGS	32.40	3.85	0.04	100.00
TIG	5.50	10.00	0.04	966300.00
SHS	8.70	2.35	0.03	1.10MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	98.50	-1.01	-0.99	1.23MLN
VRE	34.65	-1.56	-0.38	4.07MLN
BID	41.30	-0.72	-0.30	729880.00
VIC	120.50	-0.25	-0.30	492950.00
GAS	105.70	-0.38	-0.23	224320.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SJE	24.70	-9.85	-0.04	300.00
PVS	19.00	-0.52	-0.03	1.84MLN
VCS	88.50	-0.67	-0.02	274400.00
TAR	31.50	-4.55	-0.02	272000.00
SEB	30.60	-10.00	-0.02	1000.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
AGF	3.21	7.00	0.00	29860.00
TIX	30.60	6.99	0.02	10.00
NVT	9.49	6.99	0.02	6640.00
ST8	16.25	6.91	0.01	1280.00
MCG	2.48	6.90	0.00	106320.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.30	50.0	0.00	991500.00
VC3	17.70	14.7	0.14	376500.00
BLF	4.40	10.0	0.00	45700.00
TIG	5.50	10.0	0.04	966300.00
VNT	38.80	9.9	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HU1	7.44	-7.00	0.00	10.00
NAV	9.35	-6.97	0.00	100.00
TPC	9.63	-6.96	-0.01	60.00
UDC	4.55	-6.95	0.00	5700.00
TCO	10.75	-6.93	0.00	60.00

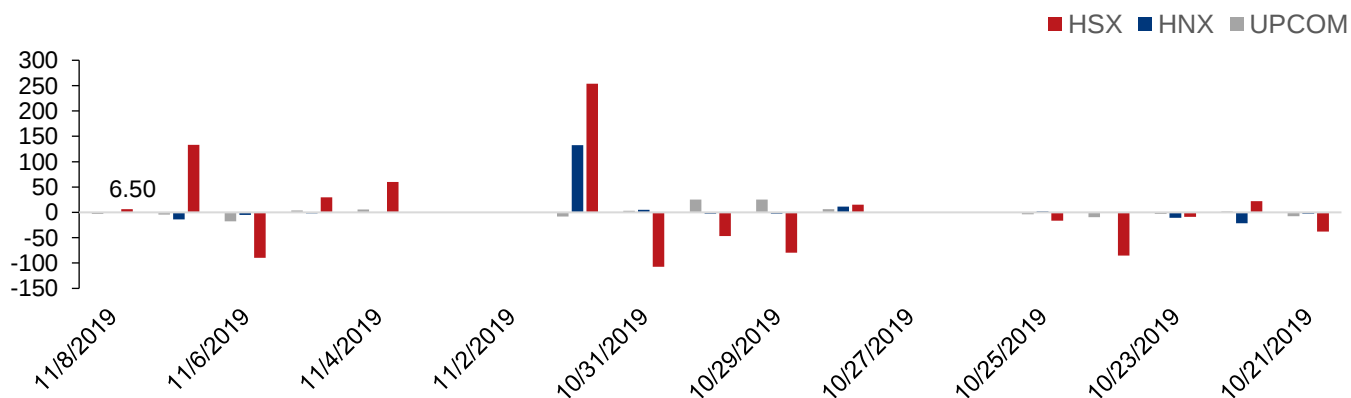
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KSK	0.20	-33.33	0.00	192700.00
NHP	0.40	-20.00	0.00	16500.00
BST	45.50	-10.96	0.00	100.00
SEB	30.60	-10.00	-0.02	1000.00
SJE	24.70	-9.85	-0.04	300.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
11	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
12	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
13	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
18	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	25.5	30.8	26.0	3,491	7.4	1.2	Click
2	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	19.1	2,246	8.5	0.9	Click
3	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	38.2	3,678	10.4	0.7	Click
4	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	76.8	4,512	17.0	2.7	Click
5	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	129.2	5,527	23.4	8.3	Click
6	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.6	2,887	7.8	1.6	Click
7	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	38.1	5,614	6.8	1.2	Click
8	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	79.2	14,958	5.3	1.5	Click
9	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.5	2,279	3.7	0.5	Click
10	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	24.8	3,585	6.9	1.6	Click
11	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	13.5	1,079	12.5	1.1	Click
12	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	91.5	5,274	17.3	4.2	Click
13	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	22.9	1,723	13.3	1.7	Click
14	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	23.4	3,261	7.2	1.4	Click
15	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	57.1	2,801	20.4	3.4	Click
16	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	25.4	1,949	13.0	1.2	Click
17	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	26.8	3,391	7.9	1.8	Click
18	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	59.6	4,688	12.7	3.0	Click
19	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	14.0	649	21.6	1.2	Click
20	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	124.6	8,321	15.0	4.9	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express STK 2019Q4	28/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 21873; Giá tại Publish 19350 Lũy kế 9 tháng, STK đạt doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt 1,653.4 tỷ đồng (-7.2% YoY) và 161.1 tỷ đồng (+22.8% YoY) qua đó hoàn thành lần lượt 63.5% KHDT và 80.7% KHLNST. Riêng Quý 3, doanh thu thuần chỉ đạt 554.2 tỷ (-5.9% YoY) do thị trường các mặt hàng truyền thống sợi nguyên sinh tiêu thụ chậm lại làm sản lượng sợi virgin giảm -12.2% trong 9T19 và giá bán sợi nguyên sinh giảm khiến doanh thu bán sợi virgin giảm 24.1%, nguyên nhân do tác động bán phá giá từ Trung Quốc sang Việt Nam. Nếu Mỹ tiếp tục áp thuế 15% lên 160 tỷ USD hàng Trung Quốc vào 15/12 này thì khả năng giá sợi sẽ tiếp tục khó khăn.
Express SBT 2019Q4	15/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 18700 Kết thúc niên độ 2018-2019 (18-19) , SBT đạt KQKD tiếp tục suy giảm do tình hình khó khăn chung của ngành đường. DTT và LNST đạt lần lượt là 10,857 tỷ đồng (+5.5% YoY) và 259.3 tỷ đồng (-52% YoY), tương đương EPS đạt 437 VND/CP, qua đó SBT chỉ hoàn thành được 94% kế hoạch doanh thu và 62% kế hoạch LNTT. Tổng sản lượng tiêu thụ đường tăng trưởng tốt đạt 749,000 tấn (+31% YoY) tuy nhiên sản lượng mía ép chỉ đạt 2,761 ngàn tấn (-26% YoY) khiến cho sản lượng đường sản xuất giảm còn 542 ngàn tấn (-10% YoY), nguyên nhân chủ yếu là do tình hình biến đổi khí hậu chịu ảnh hưởng bởi El Nino với nắng hạn kéo dài.
Express HT1 2019Q4	22/10/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 18200; Giá tại Publish 16000 Doanh thu thuần 9T2019 đạt 6,553 tỷ (+8.1% YoY), hoàn thành 73.4% kế hoạch năm nhờ: (1) Sản lượng 9T đạt 5.4 triệu tấn (+9.7% YoY); (2) Giá bán bình quân giảm do năm 2019 tỷ trọng tiêu thụ xi măng rời của HT1 tăng từ 27% (2018) lên khoảng 33% trong 2019. Tuy nhiên, HT1 cho biết trong Q3 công ty đã tiến hành rà soát lại giá bán, điều chỉnh tăng với những vùng có giá bán thấp bất hợp lý. Biến LNG trong 9T2019 tăng từ 16.4% cùng kỳ lên 17.1%, chúng tôi cho rằng biến LNG được cải thiện 1 phần nhờ hỗ trợ bởi giá than (khoảng 30% giá vốn) giảm khoảng 50,000 đồng/tấn (tương đương giảm 1.5-2%). Giá than công ty nhập trong T10 vẫn đang trong xu hướng giảm sẽ hỗ trợ biến LN trong Q4/2019.
Express PHR 2019Q4	15/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 59300 KQKD 9 tháng: DT đạt 685 tỷ đồng (+3% yoy) và LNST đạt 429 tỷ đồng (+23.4% yoy) đến chủ yếu từ doanh thu mủ cao su đạt đến từ sản lượng 20,281.6 tấn (+4.6% yoy) với giá bán bình quân lũy kế 33.5 triệu đồng/tấn (-1.7% yoy), giá bán bình quân tháng 9 đạt 32.3 triệu đồng, cho thấy mức giá cao su vẫn chưa phục hồi. So với kế hoạch đặt ra đạt 68% lợi nhuận sau thuế. Lũy kế thu mua 9 tháng, sản lượng thu mua giảm đạt 8,709 tấn (-12.5% yoy) giúp cải thiện biên lợi nhuận từ mức 6.6% lên 8.1% do mảng thu mua gần như không có lãi.
Express DRC 2019Q4	15/10/2019	KKhuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 28381; Giá tại Publish 24450 Doanh thu quý 3 đạt 1,013 tỷ đồng (+8.3% yoy), LNST đạt 82 tỷ (gấp 2.65 lần cùng kỳ), biến LNG cải mức 11.8% lên 13%. Doanh nghiệp duy trì chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp ở mức ổn định chiếm khoảng 4.4% doanh thu. Tỷ lệ giảm trừ doanh thu chiết khấu giảm từ 5.1% xuống còn 4.2%. Kết quả 9T2019 tương ứng hoàn thành 77% và 135% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2019.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn